Câu **1**: [NB]

Điền chữ thích hợp vào ô trống  
Để nhân số có hai chữ số với số có một chữ số, ta bắt đầu thực hiện phép nhân từ hàng [[đơn vị]], sau đó tiếp tục thực hiện phép nhân ở hàng [[chục]].

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**Nhân số có hai chữ số cho số có một chữ số không nhớ. Lấy lần lượt hàng chục và hàng đơn vị của số có hai chữ số với số có một chữ số được kết quả là hàng chục và hàng đơn vị của tích.  
  
Theo lí thuyết, ta lần lượt điền “đơn vị” và “chục”.  
**Đáp án:**đơn vị-chục

Câu **2**: [NB]

Chọn số thích hợp để điền vào chỗ trống  
20 × 3 = [[60]]

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**Nhân số có hai chữ số cho số có một chữ số không nhớ. Lấy lần lượt hàng chục và hàng đơn vị của số có hai chữ số với số có một chữ số được kết quả là hàng chục và hàng đơn vị của tích.  
  
Ta có 20 × 3 = 60 . Số cần điền là 60  
**Đáp án: 60**

Câu **3**: [NB]

Chọn đáp án đúng  
Tổng nào sau đây có thể viết thành phép toán 25 × 4 ?

A. 25+52+25+52 B. 25+54

C. 25+25+25+25

D. 25+25+25+25+25

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**Nhân số có hai chữ số cho số có một chữ số không nhớ. Lấy lần lượt hàng chục và hàng đơn vị của số có hai chữ số với số có một chữ số được kết quả là hàng chục và hàng đơn vị của tích.  
  
25 × 4 = 25 + 25 + 25 + 25

Câu **4**: [NB]

Chọn phép tính thích hợp để điền vào chỗ trống  
[[11 x 6]] = 66

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**Nhân số có hai chữ số cho số có một chữ số không nhớ. Lấy lần lượt hàng chục và hàng đơn vị của số có hai chữ số với số có một chữ số được kết quả là hàng chục và hàng đơn vị của tích.  
  
Đề điền vào chỗ trống, ta phải chọn một trong các phép tính ở trong ô sao cho phép tính ấy có kết quả là 66  
Ta có :  
12 × 3 = 36  
21 × 2 = 42  
11 × 6 = 66  
Vậy phép tính điền vào chỗ trống là 11 × 6 .

Câu **5**: [NB]

Điền số thích hợp vào chỗ trống:  
88 là kết quả khi ta lấy 11 nhân với [[8]].

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**Nhân số có hai chữ số cho số có một chữ số không nhớ. Lấy lần lượt hàng chục và hàng đơn vị của số có hai chữ số với số có một chữ số được kết quả là hàng chục và hàng đơn vị của tích.  
  
Ta có  
A number and x on a white background

Description automatically generated  
11 × 8 = 88 .  
Vậy số cần điền là 8 .

Câu **6**: [NB]

Chọn đáp án đúng.  
Kết quả quả phép nhân 32 × 3 là:

A. 96

B. 69 C. 86

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Đặt tính:  
× 32 3 96  
3 nhân 2 bằng 6 , viết 6 .  
3 nhân 3 bằng 9 , viết 9 .  
Vậy 32 × 3 = 96 .  
**Đáp án:**  
96

Câu **7**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Kết quả của phép nhân 24 × 2 là

A. 48

B. 50 C. 84

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Đặt tính:  
× 24 2 48  
2 nhân 4 bằng 8 , viết 8 .  
2 nhân 2 bằng 4 , viết 4  
Vậy 24 × 2 = 48 .  
Kết quả của phép nhân 24 × 2 là 48 .  
**Đáp án:**  
48

Câu **8**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
55 là tích của cặp số nào trong các cặp số sau?

A. 11 và 5

B. 10 và 5 C. 5 và 5

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Đăt tính:  
× 11 5 55  
5 nhân 1 bằng 5 , viết 5 .  
5 nhân 1 bằng 5 , viết 5 .  
Vậy 11 × 5 = 55 .  
Ta có:  
11 × 5 = 55  
10 × 5 = 50  
5 × 5 = 25  
Vậy 55 là tích của hai số 11 và 5 .  
**Đáp án:**  
11 và 5

Câu **9**: [NB]

Chọn đáp án đúng.  
Kết quả của phép nhân có hai thừa số lần lượt là 12 và 2 bằng

A. 24

B. 26 C. 14

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Đặt tính:  
× 12 2 24  
2 nhân 2 bằng 4 , viết 4 .  
2 nhân 1 bằng 2 , viết 2 .  
Vậy 12 × 2 = 24 .  
**Đáp án:**  
24

Câu **10**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Kết quả của phép tính 21 × 4 là:

A. 84

B. 48 C. 88

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Đặt tính:  
× 21 4 84  
4 nhân 1 bằng 4 , viết 4 .  
4 nhân 2 bằng 8 , viết 8 .  
Ta có: 21 × 4 = 84  
Vậy kết quả của phép tính 21 × 4 là 84.  
**Đáp án:**  
84

Câu **11**: [NB]

Bạn hãy chọn tất cả các đáp án đúng.  
Các phép nhân có tích bằng 84 là:

A. 42×2

B. 21×4

C. 22×2 D. 23×3

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).

Đặt tính:  
× 42 2 84  
2 nhân 2 bằng 4 , viết 4 .  
2 nhân 4 bằng 8 , viết 8 .  
Vậy 42 × 2 = 84 .  
× 21 4 84  
4 nhân 1 bằng 4 , viết 4 .  
4 nhân 2 bằng 8 , viết 8 .  
Vậy 21 × 4 = 84 .  
× 22 2 44  
2 nhân 2 bằng 4 , viết 4 .  
2 nhân 2 bằng 4 , viết 4 .  
Vậy 22 × 2 = 44 .  
× 23 3 69  
3 nhân 3 bằng 9 , viết 9 .  
3 nhân 2 bằng 6 , viết 6 .  
Vậy 23 × 3 = 69 .  
Ta có:  
42 × 2 = 84  
21 × 4 = 84  
22 × 2 = 44  
23 × 3 = 69  
Vậy các phép nhân có tích bằng 84 là 42 × 2 và 21 × 4 .  
**Đáp án:**  
42 × 2  
21 × 4

Câu **12**: [NB]

Bạn hãy điền số thích hợp vào chỗ trống.  
34 × 2 = [[68]]

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Đặt tính:  
× 34 2 68  
2 nhân 4 bằng 8 , viết 8 .  
2 nhân 3 bằng 6 , viết 6 .  
Vậy 34 × 2 = 68 .  
Số cần điền vào chỗ trống là 68 .  
**Đáp án:**  
68

Câu **13**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Kết quả của phép nhân 11 × 4 là

A. 44.

B. 45. C. 24.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Đặt tính:  
**× 11 4 44**  
4 nhân 1 bằng 4 , viết 4 .  
4 nhân 1 bằng 4 , viết 4 .  
Vậy 11 × 4 = 44 .  
Vậy kết quả của phép nhân 11 × 4 là 44 .  
**Đáp án:**  
44

Câu **14**: [NB]

Điền số thích hợp vào ô trống.  
Kết quả của phép tính 42 × 2 là [[84]].

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Đặt tính:  
× 42 2 84  
2 nhân 2 bằng 4 , viết 4 .  
2 nhân 4 bằng 8 , viết 8 .  
Vậy 42 × 2 = 84 .  
Vậy kết quả của phép tính 42 × 2 là 84 .  
**Đáp án:**  
84

Câu **15**: [NB]

Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
33 × 3 = [[99]].

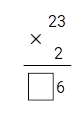
Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta có:  
A black line with numbers

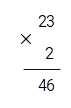
Description automatically generated with medium confidence  
3 nhân 3 bằng 9 , viết 9 .  
3 nhân 3 bằng 9 , viết 9 .  
Vậy 33 × 3 = 99 .  
Số cần điền vào ô trống là 99 .  
**Đáp án:**  
99

Câu **16**: [NB]

Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
Cho phép tính:  
  
Số thích hợp để điền vào ô trống là [[4]].

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta có:  
  
2 nhân 3 bằng 6 , viết 6 .  
2 nhân 2 bằng 4 , viết 4 .  
Vậy 23 × 2 = 46 .  
Vậy số cần điền vào ô trống là 4 .  
**Đáp án:**  
4

Câu **17**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng để điền vào ô trống.  
12 + 12 + 12 + 12 = [[12×4]].

Lời giải:

**Bước 1:**

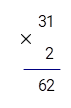
**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta có: 12 + 12 + 12 + 12 = 12 × 4 .  
**Đáp án:**  
12 × 4

Câu **18**: [NB]

Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
  
Số thích hợp để điền vào dấu hỏi chấm là [[62]].

Lời giải:

**Bước 1:**

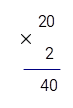
**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta có:  
  
2 nhân 1 bằng 2 , viết 2 .  
2 nhân 3 bằng 6 , viết 6 .  
Vậy 31 × 2 = 62 .  
**Đáp án:**  
62

Câu **19**: [NB]

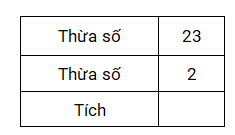
Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
Tích của hai số 20 và 2 là số có chữ số hàng chục bằng [[4]].

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta có:  
  
2 nhân 0 bằng 0 , viết 0 .  
2 nhân 2 bằng 4 , viết 4 .  
Vậy 20 × 2 = 40 .  
Do đó tích của hai số 20 và 2 là số có chữ số hàng chục bằng 4 .  
**Đáp án:**  
4

Câu **20**: [NB]

Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
  
Tích bằng [[46]].

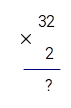
Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta thực hiện đặt phép tính:  
A number and line with numbers

Description automatically generated with medium confidence  
2 nhân 3 bằng 6 , viết 6 .  
2 nhân 2 bằng 4 , viết 4 .  
Vậy 23 × 2 = 46 .  
**Đáp án:**  
46

Câu **21**: [NB]

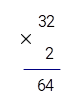
Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
  
Dấu hỏi chấm là số nào dưới đây?

A. 64

B. 32 C. 34 D. 62

Lời giải:

**Bước 1:**

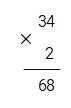
**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta có:  
  
2 nhân 2 bằng 4 , viết 4 .  
2 nhân 3 bằng 6 , viết 6 .  
Vậy 32 × 2 = 64 .  
**Đáp án:**  
64

Câu **22**: [NB]

Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
34 m × 2 = [[68]] m

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta có:  
  
2 nhân 4 bằng 8 , viết 8 .  
2 nhân 3 bằng 6 , viết 6 .  
Vậy 34 m × 2 = 68 m .  
**Đáp án:**  
68

Câu **23**: [NB]

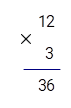
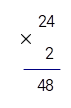
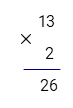
Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Phép nhân nào dưới đây có kết quả bằng 36 ?

A. 12×3

B. 24×2 C. 13×2

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta có:  
  
3 nhân 2 bằng 6 , viết 6 .  
3 nhân 1 bằng 3 , viết 3 .  
Vậy 12 × 3 = 36 .  
Ta có:  
  
2 nhân 4 bằng 8 , viết 8 .  
2 nhân 2 bằng 4 , viết 4 .  
Vậy 24 × 2 = 48 .  
Ta có:  
  
2 nhân 3 bằng 6 , viết 6 .  
2 nhân 1 bằng 2 , viết 2 .  
Vậy 13 × 2 = 26 .  
Vậy trong các phép nhân đã cho, phép nhân 12 × 3 có kết quả bằng 36 .  
**Đáp án:**  
36

Câu **24**: [NB]

Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
Cho phép nhân 20 × 4 .  
Kết quả của phép nhân đã cho có chữ số hàng chục bằng [[8]].

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta có:  
A number and a line

Description automatically generated with medium confidence  
4 nhân 0 bằng 0 , viết 0 .  
4 nhân 2 bằng 8 , viết 8 .  
Vậy 20 × 4 = 80 .  
Do đó kết quả của phép nhân 20 × 4 có chữ số hàng chục bằng 8 .  
**Đáp án:**  
8

Câu **25**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Kết quả của phép nhân 13 × 3 là số nào dưới đây?

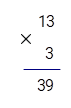
A. 16 B. 33

C. 39

D. 36

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
  
3 nhân 3 bằng 9 , viết 9 .  
3 nhân 1 bằng 3 , viết 3 .  
Vậy 13 × 3 = 39 .  
**Đáp án:**  
39

Câu **26**: [NB]

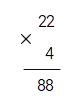
Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Mai nói rằng kết quả của phép nhân 22 × 4 là một số có hai chữ số giống nhau. Theo em, Mai nói đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta có:  
  
4 nhân 2 bằng 8 , viết 8 .  
4 nhân 2 bằng 8 , viết 8 .  
Vậy 22 × 4 = 88 .  
Vậy kết quả của phép nhân 22 × 4 là một số có hai chữ số giống nhau. Do đó Mai nói đúng.  
**Đáp án:**  
Đúng

Câu **27**: [NB]

Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
Một phép nhân có hai thừa số là 11 và 7 . Kết quả của phép nhân đó là [[77]].

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta có:  
A number and a divider

Description automatically generated with medium confidence  
7 nhân 1 bằng 7 , viết 7 .  
7 nhân 1 bằng 7 , viết 7 .  
Vậy 11 × 7 = 77 .  
Vậy kết quả của phép nhân đó là: 77 .  
**Đáp án:**  
77

Câu **28**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Cho các phép nhân:  
1) 20 × 3  
2) 10 × 6  
3) 21 × 3  
Trong các phép nhân đã cho, có mấy phép nhân có kết quả bằng 60 ?

A. 1 phép nhân

B. 2 phép nhân

C. 3 phép nhân

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta có:  
A black and white image of numbers

Description automatically generated  
3 nhân 0 bằng 0 , viết 0 .  
3 nhân 2 bằng 6 , viết 6 .  
Vậy 20 × 3 = 60 .  
Ta có:  
A black and white picture of numbers

Description automatically generated  
6 nhân 0 bằng 0 , viết 0 .  
6 nhân 1 bằng 6 , viết 6 .  
Vậy 10 × 6 = 60 .  
Ta có:  
A black and white image of numbers

Description automatically generated  
3 nhân 1 bằng 3 , viết 3 .  
3 nhân 2 bằng 6 , viết 6 .  
Vậy 21 × 3 = 63 .  
Vậy trong các phép nhân đã cho, có 2 phép nhân có kết quả bằng 60 .  
**Đáp án:**  
2 phép nhân

Câu **29**: [NB]

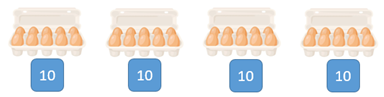
Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
33 × 2 = . . . .  
Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là [[66]].

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lý thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta có:  
  
2 nhân 3 bằng 6 , viết 6 .  
2 nhân 3 bằng 6 , viết 6 .  
Vậy 33 × 2 = 66 .  
**Đáp án:**  
66

Câu **30**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
  
Phép nhân thích hợp với hình đã cho là:

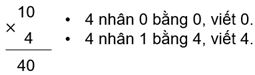
A. 10×3=30

B. 10×4=40

C. 10×4=14

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Trên hình có 4 khay đựng trứng, mỗi khay đựng 10 quả trứng.  
Phép nhân thích hợp là 10 × 4 .  
  
Do đó 10 × 4 = 40 .  
Vậy phép nhân thích hợp là: 10 × 4 = 40 .  
**Đáp án:**10 × 4 = 40 .

Câu **31**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
A close up of a vase

Description automatically generated  
Bông hoa nào dưới đây có thể cắm vào bình hoa đã cho?

A. B.

C.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Nhẩm 2 chục × 4 = 8 chục.  
Do đó 20 × 4 = 80 .  
Vậy bông hoa có thể cắm được vào bình hoa đã cho là A pink flower with a yellow center and black numbers

Description automatically generated  
**Đáp án:**A pink flower with a yellow center and black numbers

Description automatically generated .

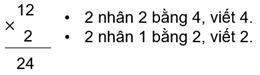
Câu **32**: [NB]

Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
A number and equal sign

Description automatically generated with medium confidence  
Cây nấm đã che đi số [[24]].

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta thực hiện phép tính 12 × 2 như sau:  
  
Do đó 12 × 2 = 24 .  
Vậy cây nấm đã che đi số 24 .  
**Đáp án:**24 .

Câu **33**: [NB]

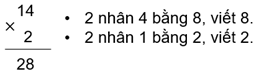
Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Để tính kết quả của phép nhân 14 × 2 , em cần thực hiện theo cách nào dưới đây?

A.

B.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Thực hiện phép nhân 14 × 2 như sau:  
  
Do đó 14 × 2 = 28  
**Đáp án:**A number and a number

Description automatically generated with medium confidence .

Câu **34**: [NB]

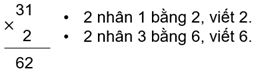
Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
  
Chìa khóa mở được ổ khóa đã cho là:

A. Chìa A

B. Chìa B

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Thực hiện phép nhân 31 × 2 như sau:  
  
Do đó 31 × 2 = 62 nên chìa A mở được ổ khóa đã cho.  
**Đáp án:**Chìa A.

Câu **35**: [NB]

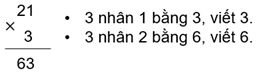
Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Hỏi bạn nào thực hiện đúng?

A.

B.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Thực hiện phép nhân 21 × 3 như sau:  
  
Do đó 21 × 3 = 63 nên bạn nhỏ thực hiện đúng là A cartoon of a child writing on a chalkboard

Description automatically generated  
**Đáp án:**A cartoon of a child writing on a chalkboard

Description automatically generated .

Câu **36**: [NB]

Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
Kết quả của phép tính 24 × 2 là [[48]]

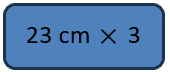
Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta thực hiện phép tính 24 × 2 như sau:  
A black text on a white background

Description automatically generated  
Do đó, 24 × 2 = 48  
**Đáp án:**48 .

Câu **37**: [NB]

Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
  
Kết quả của phép tính trên là [[69]] c m .

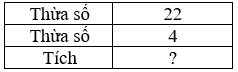
Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta thực hiện phép tính 23 × 2 như sau:  
A close up of black text

Description automatically generated  
Do đó, 23 c m × 3 = 69 c m  
**Đáp án:**69

Câu **38**: [NB]

Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
  
Số cần điền vào dấu hỏi chấm là [[88]].

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta thực hiện phép tính 22 × 4 như sau:  
A close up of black text

Description automatically generated  
Do đó, 22 × 4 = 88  
Vậy số thích hợp cần điền vào dấu hỏi chấm là 88 .  
**Đáp án:**88 .

Câu **39**: [NB]

Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
Cho phép nhân:  
  
Kết quả của phép nhân trên có chữ số hàng chục là [[3]]

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta thực hiện phép tính 12 × 3 như sau:  
A black text on a white background

Description automatically generated  
Do đó, 12 × 3 = 36  
Vậy kết quả của phép nhân 12 × 3 có chữ số hàng chục là 3 .  
**Đáp án:**3 .

Câu **40**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Tích của hai số 41 và 2 là số có chữ số hàng đơn vị là:

A. 2

B. 4 C. 42

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta thực hiện phép tính 41 × 2 như sau:  
A close up of black text

Description automatically generated  
Do đó, 41 × 2 = 82  
Vậy tích của hai số 41 và 2 là số có chữ số hàng đơn vị là 2  
**Đáp án:**2 .

Câu **41**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
Cho các phép nhân sau:  
Phép nhân 1 : 11 × 3  
Phép nhân 1 : 12 × 3  
Hỏi phép nhân nào có kết quả bằng 33 ?

A. Phép nhân 1

B. Phép nhân 2

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta thực hiện phép tính 11 × 3 như sau:  
A close up of black text

Description automatically generated  
Do đó, 11 × 3 = 33  
Ta thực hiện phép tính 12 × 3 như sau:  
A black text on a white background

Description automatically generated  
Do đó, 12 × 3 = 36  
Vậy phép nhân 1 có kết quả bằng 33 .  
**Đáp án:**Phép nhân 1

Câu **42**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
img_question  
Dấu hỏi chấm là số nào dưới đây?

A. 28

B. 26 C. 30

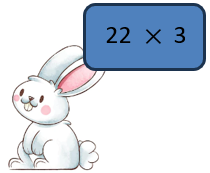
Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta thực hiện phép tính 14 × 2 như sau:  
A close up of black text

Description automatically generated  
Do đó, 14 × 2 = 28  
**Đáp án:**28 .

Câu **43**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
  
Hỏi thỏ ăn củ cà rốt nào?

A.

B. C.

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta thực hiện phép tính 22 × 3 như sau:  
A close up of black text

Description automatically generated  
Do đó, 22 × 3 = 66  
Vậy thỏ ăn củ cà rốt img_question .  
**Đáp án:**img_question .

Câu **44**: [NB]

Bạn hãy điền số thích hợp vào ô trống.  
11 × 5 = [[55]]

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta thực hiện phép tính 11 × 5 như sau:  
A close up of black text

Description automatically generated  
Do đó, 11 × 5 = 55 .  
**Đáp án:**55

Câu **45**: [NB]

Bạn hãy chọn đáp án đúng.  
  
Kết quả của phép tính trên là:

A. 88

B. 86 C. 84

Lời giải:

**Bước 1:**

**Lí thuyết:**  
Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).  
  
Ta thực hiện phép tính 11 × 8 như sau:  
A close up of black text

Description automatically generated  
Do đó, 11 × 8 = 88 .  
**Đáp án:**88 .